

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày: 20-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đào Xuân T, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B C, xã Th T, huyện D T, tỉnh B D; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đào Xuân T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị T, sinh năm 1965; có vợ tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 21/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đình Thị N, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ Đ, xã A L, huyện D T, tỉnh B D. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 2000; Hộ khẩu thường trú: Ấp P B, xã A L, huyện D T, tỉnh B D. Có đơn yêu cầu vắng mặt

2. Ông Phạm Gia D, sinh ngày 31/8/2004; Hộ khẩu thường trú: Ấp H C, xã A L, huyện D T, tỉnh B D. Có đơn yêu cầu vắng mặt

Người giám hộ: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp H C, xã A L, huyện D T, tỉnh B D. Có đơn yêu cầu vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/3/2021 Trần Văn Hùng đến nhà bà Đinh Thị N để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wera biển số 61H1-313.76 để đi dự đám tang người quen tại xã Thanh Tuyền, huyện D T, tỉnh B D. Sau khi đi dự đám tang về Hùng không trả xe cho bà N. Tối cùng ngày Hùng điều khiển xe mô tô nói trên chở Đào Xuân T đi uống rượu tại xã A Đ, thị xã B C, tỉnh B D. Đến trưa ngày 12/3/2021 H chở T đến nhà ông Võ Vũ P tại ấp S T, xã L N, huyện B B, tỉnh B D để uống rượu cùng với ông P, D và 01 người tên D (không rõ nhân thân lai lịch). Khoảng 12 giờ cùng ngày D hỏi mượn xe mô tô biển số 61H1-313.76 của H để về nhà tại ấp H C, xã A L, huyện D T, tỉnh B D thì Hùng đồng ý. Trong thời gian D mượn xe đi về nhà thì H bị đau bụng nên nhờ D điều khiển xe mô tô của D chở H về nhà H tại ấp P B, xã A L, huyện D T, tỉnh B D. Lúc này ông P và T ngừng uống rượu ngồi nói chuyện. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày D điều khiển xe mô tô biển số 61H1-313.76 quay lại nhà ông P. Khi đến đoạn đường gần cầu A L thuộc ấp K A, xã A L, huyện D T thì xe hết xăng nên D khóa cổ xe, rút chìa khóa và dựng xe giấu vào bụi cây bên lề đường rồi đi bộ đến nhà ông P. Khi đến nhà ông P thì D nói với T xe bị hết xăng và đưa chìa khóa xe cho T nhờ T đem xe về nhà T tại ấp B C, xã T T, huyện D T, tỉnh B D cất giữ giữ (nhà T gần nơi D để xe). T đồng ý. T đi bộ đến nơi D giấu xe theo chỉ dẫn của D, đẩy xe mô tô biển số 61H1-313.76 về nhà T, khi đẩy được một đoạn thì D điều khiển xe của D đến nên T ngồi trên xe và nhờ D đẩy xe (kè) về nhà T.

Sáng ngày 13/3/2021 T đổ xăng vào bình xe và điều khiển xe đi đến phòng trọ của bạn tên Nguyễn Văn Sì B tại khu phố 3, phường M P, thị xã B C, tỉnh B D để uống rượu với B và K (chưa rõ lai lịch). Đến 18 giờ cùng ngày do hết tiền nên T bán xe cho 01 người đàn ông đi giao ga (chưa rõ lai lịch) được số tiền 4.500.000 đồng để mua bia và thức ăn cùng tiếp tục uống rượu với B và K, số tiền còn lại T tiêu xài hết. Xe mô tô biển số 61H1-313.76 không thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSĐT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện D T đã truy tố bị cáo Đào Xuân T về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 175; điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình: Xử phạt bị cáo Đào Xuân T từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đinh Thị N 11.500.000 đồng.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D T, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 12/3/2021, Đào Xuân T được Phạm Văn D nhờ đem chiếc xe mô tô biển số 61H1-313.76 của bà Đinh Thị N về nhà T cất giữ giấu. Sáng ngày 13/3/2021 bị cáo T đã tự ý đem chiếc xe mô tô nói trên bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo Tâm đã tiêu xài hết số tiền trên.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để lấy chiếc xe mô tô biển số 61H1-313.76 của bà Đinh Thị N đem bán lấy tiền tiêu xài. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 04/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave, biển số: 61H1-313.76, có giá trị là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

[4] Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1, Điều 175 Bộ Luật hình sự. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bản cáo trạng số 02/CT-VKSĐT-HS ngày 23/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D T truy tố bị cáo Đào Xuân T về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 175 của Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an trong khu vực. Về nhận thức bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải có mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của

bị cáo để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Qua đó, để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đinh Thị N yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 11.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 47, 48, 106, 135, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 175; điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đào Xuân T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Đào Xuân T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đào Xuân T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Đinh Thị N số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đào Xuân T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 575.000 đồng (năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Hải Trương Hữu Bình

Trần Quang Tuấn